TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 05– 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Bỉnh
2 Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 52/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 03 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 04 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 15A/QĐ-HNGĐ ngày 03/05/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Đ - Sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng T – Sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: vào năm 2010, ông Đ và bà T có thời gian tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang ngày 24/02/2010. Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm, không hợp về tính tình, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn.. dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, hiện tại bà T và ông Đ sống ly thân từ tháng 05/2023 cho đến nay.

Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H (nữ); sinh ngày 03/06/2010, Nguyễn Tấn Q (nam); sinh ngày 18/10/2011, hiện các cháu đang chung sống với ông Đ, ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết nhưng vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. bị đơn vắng mặt nên chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1;

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Ông Nguyễn Quốc Đ được ly hôn với bà Nguyễn Hồng T. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H (nữ); sinh ngày 03/06/2010, Nguyễn Tấn Q (nam); sinh ngày 18/10/2011 cho ông Đ nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét.

Ngoài ra, viện kiểm sát còn phát biểu về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa ông Đ, bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, ông, bà phát sinh mâu thuẫn nên ông Đ nộp đơn yêu cầu ly hôn. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C ngày 24/02/2010 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Đ cho rằng ông, bà bất đồng quan điểm, không hợp về tính tình nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; đến nay ông, bà không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, xét thấy từ khi ly thân đến nay cả ông bà đều không còn liên hệ nhau, bà T không về thăm gia đình, chồng

con trong thời gian dài, từ khi phát mâu thuẫn đến khi ly thân cho đến nay cả ông bà đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông Đ là thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H (nữ); sinh ngày 03/06/2010, Nguyễn Tấn Q (nam); sinh ngày 18/10/2011, hiện hai cháu đang sống chung với ông Đ từ khi ông, bà ly thân cho đến nay, các cháu được ông Đ chăm sóc chu đáu, học hành đầy đủ, ổn định cuộc sống nên để bảo đảm việc học hành và chổ ở các cháu hiện tại nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho ông Đ nuôi dưỡng 02 cháu đến khi thành niên là phù hợp với nguyện vọng các cháu, ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc Đ được ly hôn với bà Nguyễn Hồng T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H (nữ); sinh ngày 03/06/2010, Nguyễn Tấn Q (nam); sinh ngày 18/10/2011 cho ông Đ nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đ phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai số 0002905 ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí (ông Đ đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CCTHADS h.Châu Thành;
- VKSND h.Châu Thành;
- UBND xã Đông Phước A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Kỉnh